

Số: 27 /NQ-HĐND

TP. Bến Tre, ngày 16 tháng 12 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

**Về dự toán ngân sách và phương án phân bổ
ngân sách Nhà nước thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre năm 2020**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE
KHOÁ XI - KỲ HỌP THỨ 14**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Sau khi nghe Ủy ban nhân dân thành phố Bến Tre trình bày dự toán ngân sách và phương án phân bổ dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2020; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố Bến Tre tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất thông qua dự toán ngân sách Nhà nước thành phố Bến Tre năm 2020, như sau:

1. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn 329,600 tỷ đồng (Ba trăm hai mươi chín tỷ, sáu trăm triệu đồng).

2. Tổng thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp là 538,289 tỷ đồng (Năm trăm ba mươi tám tỷ, hai trăm tám mươi chín triệu đồng).

3. Tổng chi ngân sách địa phương 538,289 tỷ đồng (Năm trăm ba mươi tám tỷ, hai trăm tám mươi chín triệu đồng). Trong đó chi ngân sách cấp thành phố 466,689 tỷ đồng (Bốn trăm sáu mươi sáu tỷ, sáu trăm tám mươi chín triệu đồng); Chi ngân sách các xã phường 71,600 tỷ đồng (Bảy mươi một tỷ, sáu trăm triệu đồng). Bao gồm:

a. Chi đầu tư phát triển: 71,582 tỷ đồng (Bảy mươi một tỷ, năm trăm tám mươi hai triệu đồng).

b. Chi thường xuyên: 459,383 tỷ đồng (Bốn trăm năm mươi chín tỷ, ba trăm tám mươi ba triệu đồng). Trong đó:

- Sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề: 187,248 tỷ đồng (Một trăm tám mươi bảy tỷ, hai trăm bốn mươi tám triệu đồng);

- Quốc phòng: 6,132 tỷ đồng (Sáu tỷ, một trăm ba mươi hai triệu đồng);

- An ninh: 4,746 tỷ đồng (Bốn tỷ, bảy trăm bốn mươi sáu triệu đồng);

- Sự nghiệp y tế: 22,821 tỷ đồng (Hai mươi hai tỷ, tám trăm hai mươi một triệu đồng);

- Sự nghiệp văn hóa thông tin: 3,839 tỷ đồng (Ba tỷ, tám trăm ba mươi chín triệu đồng);
- Sự nghiệp phát thanh truyền hình: 0,750 tỷ đồng (Bảy trăm năm mươi triệu đồng);
- Sự nghiệp thể dục thể thao: 0,506 tỷ đồng (Năm trăm lẻ sáu triệu đồng);
- Sự nghiệp môi trường: 21,560 tỷ đồng (Hai mươi một tỷ, năm trăm sáu mươi triệu đồng);
- Sự nghiệp kinh tế: 94,349 tỷ đồng (Chín mươi bốn tỷ, ba trăm bốn mươi tám triệu đồng);
- Quản lý hành chính: 90,840 tỷ đồng (Chín mươi tỷ, tám trăm bốn mươi triệu đồng);
- Đảm bảo xã hội: 19,759 tỷ đồng (Mười chín tỷ, bảy trăm năm mươi chín triệu đồng);
- Chi khác: 6,833 tỷ đồng (Sáu tỷ, tám trăm ba mươi ba triệu đồng);
- c. Dự phòng ngân sách: 7,324 tỷ đồng (Bảy tỷ, ba trăm hai mươi bốn triệu đồng).

Điều 2. Thống nhất thông qua phương án phân bổ dự toán thu, chi ngân sách nhà nước thành phố Bến Tre năm 2020 (kèm theo phương án phân bổ thu, chi ngân sách Nhà nước thành phố Bến Tre năm 2020).

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân thành phố Bến Tre tổ chức triển khai thực hiện đồng bộ, có hiệu quả dự toán ngân sách Nhà nước thành phố Bến Tre năm 2020.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố Bến Tre giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Bến Tre khóa XI, kỳ họp thứ 14 thông qua ngày 13 tháng 12 năm 2019 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày Hội đồng nhân dân thành phố Bến Tre thông qua./.

Nơi nhận:

- TT. HĐND tỉnh Bến Tre;
- UBND tỉnh Bến Tre;
- Đại biểu HĐND tỉnh đơn vị TPBT;
- TT. Thành ủy Bến Tre;
- BTT. UB MTTQ Việt Nam TPBT;
- UBND thành phố Bến Tre;
- Đại biểu HĐND thành phố Bến Tre;
- TT. HĐND – UBND các xã, phường;
- Chánh, Phó VP. HĐND và UBND TPBT;
- Lưu VT.



CHỦ TỊCH

Võ Thanh Hồng

PHƯƠNG ÁN

**Phân bổ dự toán thu chi ngân sách Nhà nước thành phố Bến Tre
năm 2020**

*(Đính kèm theo Nghị quyết số 27 /NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2019
của Hội đồng nhân dân thành phố Bến Tre)*

Căn cứ thảo luận dự toán ngân sách ngày 30 tháng 9 năm 2019 với Sở Tài chính Bến Tre.

Ủy ban nhân dân thành phố Bến Tre xây dựng phương án phân bổ dự toán thu, chi ngân sách năm 2020 như sau:

I. Thu ngân sách (chi tiết theo biểu số liệu đính kèm)

1. Tổng thu NSNN trên địa bàn: 329.600 triệu đồng, bằng 119% so dự toán năm 2019 (tăng 52.360 triệu đồng), cụ thể như sau:

Đơn vị: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu thu ngân sách	Dự toán năm 2019	Dự toán năm 2020	Tăng (+) Giảm (-) so năm 2019	
				Số tiền	Tỷ lệ
1	Thu từ DNQD địa phương	1.300	2.000	700	54%
2	Thuế ngoài quốc doanh	102.550	110.100	7.550	7%
3	Lệ phí trước bạ	44.000	61.000	17.000	39%
4	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	5.000	5.000	-	0%
5	Thuế thu nhập cá nhân	38.900	40.000	1.100	3%
6	Phí lệ phí	7.190	9.000	1.810	25%
	<i>Trong đó lệ phí môn bài</i>	<i>3.700</i>	<i>4.000</i>		
7	Tiền sử dụng đất	40.000	52.000	12.000	30%
8	Tiền cho thuê mặt đất mặt nước	28.000	36.500	8.500	30%
9	Thu khác ngân sách	10.300	14.000	3.700	36%
Tổng cộng		277.240	329.600	52.360	19%

2. Tổng thu ngân sách địa phương để cân đối nhiệm vụ chi: 538.287 triệu đồng, trong đó:

- Các khoản thu phân chia theo phân cấp: 319.000 triệu đồng.
- Thu bổ sung từ ngân sách tỉnh: 219.287 triệu đồng.
- + Bổ sung cân đối ngân sách: 134.898 triệu đồng
- + Bổ sung có mục tiêu: 84.389 triệu đồng, bao gồm các nội dung:

TT	Nội dung được bổ sung có mục tiêu	Số tiền (triệu đồng)
1	Chăm sóc, trồng mới cải tạo cây xanh	6.000
2	Kiến thiết thị chính	10.000
3	Phụ cấp kiêm nhiệm người quản lý trung tâm văn hóa, học tập cộng đồng xã, phường và ấp khu phố	470
4	Bổ sung lương y tế và cộng tác viên dân số	2.027
5	Kinh phí Trung tâm phát triển quỹ đất	721
6	Nâng cấp đô thị từ loại III lên Đô thị loại II	33.750
7	Bổ sung nguồn do tăng lương cơ sở đến 1,490	22.077
8	Bổ sung kinh phí hoạt động đoàn thể ấp, khu phố	484
9	Kinh phí hoạt động cho MTTQ và ấp khu phố thực hiện cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh theo Nghị quyết 05/2018/NQ-HĐND	427
10	Phụ cấp tăng thêm cho Trưởng ban công tác mặt trận ấp, khu phố; tiền ăn lực lượng dân quân và công an viên trực tại xã, phường theo Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND	768
11	Bổ sung tiền lương khối y tế, giáo dục	1.126
12	Tăng vốn đầu tư XD CB	2.982
13	Hoạt động Trung tâm Văn hóa - Thể thao và học tập cộng đồng xã, phường và ấp, khu phố	615
14	BHYT cho đối tượng dân công hòa tuyến	12
15	BHYT cho đối tượng theo Nghị định 36/2013/NĐ-CP	506
16	Kinh phí thực hiện chính sách bảo trợ xã hội theo Nghị định 136/2013/NĐ-CP	2.426
Tổng cộng		84.391

II. Dự toán chi ngân sách địa phương (chi tiết theo biểu số liệu đính kèm).

- Dự toán chi ngân sách năm 2020 được thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 21/2017/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre về việc ban hành Quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh Bến Tre giai đoạn 2018-2020. Quy mô dân số là 122.482 người; Mức lương cơ sở là 1,490 triệu đồng; Số lượng biên chế theo Quyết định giao biên chế năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Bến Tre và Thông báo số 730-TB/ThU ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Thành ủy Bến Tre, gồm:

STT	Đơn vị	Số biên chế	Hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP	Viên chức và số người làm việc
1	Các cơ quan nhà nước	100	2	
2	Khối đảng	41	3	
3	Khối Mặt trận, Đoàn thể	31	2	
4	Đơn vị sự nghiệp			
	Trường học			1.243
	Trung tâm và trạm y tế			203
	Trung tâm GDNN-GDTX			36
	Trung tâm Bồi dưỡng chính trị	4	1	
	Trung tâm Văn hóa Thể thao và Truyền thanh			17
	Trung tâm phát triển quỹ đất			9
	Quảng trang			1
	Văn phòng điều phối NTM			3
	Đội Trật tự đô thị			2
5	Hội được giao biên chế			9
Tổng cộng		176	8	1.523

Tổng quỹ tiền lương, phụ cấp các cơ quan đơn vị cấp thành phố là 199.739 triệu đồng; cấp xã phường là 52.450 triệu đồng.

- Tiếp tục thực hiện khoán chi hành chính cho các cơ quan nhà nước, Đảng, Đoàn thể và giao quyền tự chủ tài chính cho các đơn vị sự nghiệp: Ban Quản lý chợ, Trung tâm Văn hóa – Thể thao và Truyền thanh, Trung tâm Bồi dưỡng chính trị, Trung tâm Y tế, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên, Trung tâm Phát triển quỹ đất và các trường mầm non mẫu giáo, trường tiểu học và trung học cơ sở công lập trên địa bàn thành phố.

- Khoán kinh phí hoạt động hành chính cho các xã phường theo Nghị quyết số 21/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Tiếp tục thực hiện tiết kiệm 10% chi công việc theo dự toán để tạo nguồn cải cách tiền lương với tổng số tiền 9.501 triệu đồng.

Tổng chi cân đối ngân sách địa phương: 538.287 triệu đồng.

Ngân sách cấp thành phố là 466.687 triệu đồng, ngân sách xã phường là 71.600 triệu đồng.

1. Chi đầu tư phát triển: 71.582 triệu đồng, chiếm tỷ trọng 13,3% tổng chi ngân sách.

- Chi đầu tư theo phân cấp: 19.582 triệu đồng.
- Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất: 31.200 triệu đồng.
- 10% để thực hiện công tác đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại điểm c, khoản 2, điều 13 Thông tư 71/2017/TT-BTC ngày 13 tháng 7 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2018 và kế hoạch tài chính ngân sách nhà nước 3 năm 2018-2020: 5.200 triệu đồng.
- 30% trích lập quỹ phát triển đất: 15.600 triệu đồng.

2. Chi thường xuyên: 459.381 triệu đồng.

2.1. Sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề: 187.248 triệu đồng.

a. Ngân sách cấp thành phố: 186.808 triệu đồng.

- Sự nghiệp giáo dục (các trường học): 180.565 triệu đồng.

Trong đó tổng quỹ tiền lương là 152.525 triệu đồng.

Hoạt động là 15.540 triệu đồng.

Sự nghiệp giáo dục khác 1.5 triệu đồng.

Hỗ trợ tiền ăn trưa, cấp bù và miễn giảm học phí là 1.000 triệu đồng.

Mua sắm tài sản, trang thiết bị; sửa chữa cơ sở vật chất 10.000 triệu đồng.

- Sự nghiệp đào tạo và dạy nghề: 6.243 triệu đồng, bao gồm các đơn vị:

+ Trung tâm Bồi dưỡng Chính trị thành phố (đơn vị sự nghiệp được ngân sách đảm bảo kinh phí hoạt động) với mức khoán kinh phí là 515 triệu đồng. Trong đó quỹ tiền lương là 415 triệu đồng và mức khoán kinh phí hoạt động là 100 triệu đồng.

+ Kinh phí mở lớp theo Kế hoạch hàng năm của Trung tâm Bồi dưỡng chính trị thành phố và các nội dung có liên quan đến đào tạo 500 triệu đồng.

+ Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên (đơn vị tự đảm bảo một phần kinh phí): 4.217 triệu đồng. Trong đó tổng quỹ tiền lương là 3,796 triệu đồng.

+ Đào tạo lại cán bộ công chức 615 triệu đồng.

+ Tăng lương thường xuyên và nhiệm vụ theo phê duyệt: 396 triệu đồng.

b. Ngân sách xã phường: 440 triệu đồng. được phân bổ theo định mức cho giáo dục là 1.500 đồng/dân số và đào tạo là 15 triệu đồng/xã, phường.

2.2. Chi quốc phòng: 6.132 triệu đồng.

a. Ngân sách cấp thành phố: 782 triệu đồng để thực hiện hỗ trợ quốc phòng địa phương 140 triệu đồng hoạt động Tiểu đội Dân quân thường trực thuộc Ban Chỉ huy Quân sự thành phố 442 triệu đồng và hoạt động tuyển quân, hội đồng giáo dục quốc phòng, thăm tân binh.....200 triệu đồng.

b. Ngân sách xã, phường: 5.350 triệu đồng.

Phụ cấp thâm niên, đặc thù, tiền LLDQ thường trực: 3.650 triệu đồng.

Trợ cấp ngày công lao động, huấn luyện, tuyển quân và hoạt động khác cho quốc phòng định mức 70 triệu đồng/xã, phường: 1.190 triệu đồng. (nội dung này sẽ được điều chỉnh khi có Kế hoạch của Ban chỉ huy Quân sự thành phố).

Chi hoạt động: 510 triệu đồng (định mức 30 triệu đồng/xã, phường).

2.3. Chi an ninh trật tự xã hội: 4.746 triệu đồng.

- **Ngân sách cấp thành phố: 320 triệu đồng** để hỗ trợ công tác an ninh trật tự 140 triệu đồng và giải quyết khiếu kiện tập đông người 180 triệu đồng.

- **Ngân sách xã, phường: 4.426 triệu đồng** gồm các nội dung: Tiền ăn công an viên thường trực, phụ cấp thâm niên, phụ cấp Ban bảo vệ dân phố, Đội dân phòng (phòng cháy chữa cháy) và định mức hoạt động 28 triệu đồng/xã, phường.

2.4. Sự nghiệp y tế: 22.821 triệu đồng, với các nội dung cụ thể sau:

- Bảo hiểm y tế cho các đối tượng theo Nghị định 136/2013/NĐ-CP của chính phủ: 2.711 triệu đồng; các đối tượng theo Nghị định 290/2005/NĐ-CP và Nghị định 62/2011/NĐ-CP của Chính phủ: 858 triệu đồng; đối tượng là dân công hỏa tuyến 12 triệu đồng.

- Trung tâm Y tế thành phố (đơn vị sự nghiệp được ngân sách đảm bảo một phần kinh phí hoạt động từ năm 2019 được sáp nhập thêm hoạt động của dân số) và Trạm y tế các xã, phường: 19.240 triệu đồng. Trong đó tổng quỹ tiền lương và phụ cấp y tế áp, khu phố là 17.583 triệu đồng.

2.5. Sự nghiệp văn hóa thông tin: 3.839 triệu đồng

- **Ngân sách cấp thành phố: 2.449 triệu đồng.**

Trong đó kinh phí mua sắm trang thiết bị âm thanh phục vụ hoạt động 1.400 triệu đồng.

- **Ngân sách xã, phường: 1.390 triệu đồng** theo định mức 2.500 đồng/dân số để đảm bảo các hoạt động phong trào văn hóa văn nghệ, mùa hè xanh... Phụ cấp kiêm nhiệm người quản lý, kinh phí hoạt động của Trung tâm văn hóa thể thao và học tập cộng đồng xã, phường; Nhà văn hóa - khu thể thao ấp, khu phố theo Nghị quyết 13/2019/NQ-HĐND ngày 03 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre.

2.6. Sự nghiệp phát thanh truyền hình: 750 triệu đồng.

Ngân sách cấp thành phố: 628 triệu đồng.

Ngân sách xã, phường: 122 triệu đồng, theo định mức tỉnh giao là 1.000 đồng/dân số.

2.7. Sự nghiệp thể dục thể thao: 506 triệu đồng.

Ngân sách cấp thành phố: 384 triệu đồng.

Ngân sách xã, phường: 122 triệu đồng, theo định mức tỉnh giao là 1.000 đồng/dân số.

2.8. Sự nghiệp môi trường: 21.560 triệu đồng.

a. Ngân sách cấp thành phố: 21.050 triệu đồng, được phân bổ cho các nội dung gồm:

- Hỗ trợ đối ứng công trình của xã, phường là 1.000 triệu đồng.
- Công tác vệ sinh đô thị: 14.000 triệu đồng.
- Công tác quản lý nhà nước về môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu: 50 triệu đồng.
- Xây dựng trạm trung chuyển rác Phường 7 và Phú Nhuận: 6.000 triệu đồng.

b. Ngân sách xã, phường: 510 triệu đồng được phân bổ theo định mức 30 triệu đồng/ xã, phường tương ứng 1% chi thường xuyên.

2.9. Hoạt động kinh tế: 94.349 triệu đồng.

a. Ngân sách cấp thành phố: 93.063 triệu đồng. Định mức tính giao là 16.500 đồng/dân số và bổ sung chi đặc thù cho đô thị loại II. Được phân bổ cho một số nội dung lớn như sau:

+ Nông, lâm, thủy lợi, khuyến công, văn phòng điều phối xây dựng nông thôn mới: 924 triệu đồng để thực hiện các nội dung như hỗ trợ kinh tế hợp tác; tổ chức xúc tiến thương mại – dịch vụ; hỗ trợ các mô hình khuyến công – khuyến nông – thủy lợi; hỗ trợ cơ sở doanh nghiệp khởi nghiệp; nhân rộng mô hình sinh kế thoát nghèo.

+ Hoạt động Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới: 70 triệu đồng.

+ Các dịch vụ công ích (tiền điện chiếu sáng công cộng, chăm sóc quản lý công viên cây xanh, duy tu, sửa chữa thường xuyên hệ thống chiếu sáng công cộng): 32.406 triệu đồng.

+ Lập Kế hoạch sử dụng đất, thống kê đất đai, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất, các công tác có liên quan đến đất đai và quy hoạch: 700 triệu đồng.

+ Ban chỉ đạo phát triển đô thị: 500 triệu đồng.

+ Hỗ trợ và đối ứng công trình giao thông theo phương thức “Nhân dân làm, Nhà nước hỗ trợ” và công trình hệ thống chiếu sáng công cộng tại xã, phường 3.000 triệu đồng.

+ Công tác đảm bảo trật tự an toàn giao thông; tiền lương và hoạt động của Đội Trật tự đô thị: 2.000 triệu đồng.

+ Kinh phí của Trung tâm Phát triển quỹ đất: 721 triệu đồng.

+ Kinh phí nâng cấp đô thị: 33.750 triệu đồng.

+ Cải tạo, nâng cấp công viên cây xanh đô thị: 6.000 triệu đồng.

+ Kiến thiết thị chính: 10.000 triệu đồng.

b. Ngân sách xã phường: 1.286 triệu đồng Định mức tính giao 10.500 đồng/dân số. Thực hiện các nội dung như lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội cấp xã; thực hiện các công trình chiếu sáng công cộng, hệ thống thoát nước và sửa chữa lộ hẻm.

2.10. Chi quản lý hành chính, Đảng, Đoàn thể và các Hội: 90.840 triệu đồng.

a. Ngân sách cấp thành phố: 36.688 triệu đồng.

- Tổng quỹ tiền lương và các khoản phụ cấp là: 21.010 triệu đồng.

- Đối với tiền lương, phụ cấp và các khoản phải trích theo lương thực hiện theo nguyên tắc tính đúng, đủ theo biên chế có mặt tại đơn vị (không khoán chi) và được điều chỉnh, bổ sung cho các đơn vị khi có biến động quỹ lương. Đối với trường hợp cán bộ, công chức, viên chức nghỉ hưu, nghỉ bệnh được bảo hiểm trả thay lương thì không điều chỉnh dự toán đã được giao.

- Về định mức khoán chi hoạt động quản lý hành chính (biên chế và hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP) là 20 triệu đồng và tính theo biên chế được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Mức khoán chi này đã bao gồm các nội dung chi như: hội nghị sơ kết, tổng kết, kỷ niệm thành lập ngành; công tác phí (kể cả các trường hợp cử cán bộ công chức tham gia cùng các đơn vị khác và được cử đi tập huấn, học tập ngắn

ngày không áp dụng chế độ quy định về đào tạo); mua sắm và sửa chữa tài sản, trang thiết bị phục vụ công tác và các khoản chi thường xuyên khác theo Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài chính và Bộ Nội vụ và Nghị quyết số 21/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đối với nguồn thu từ phí, lệ phí của các cơ quan, đơn vị được thực hiện theo quy định Luật Phí, Lệ phí và các văn bản hướng dẫn. Kinh phí được ngân sách nhà nước khoán chi hành chính đã đảm bảo hoạt động như văn phòng phẩm, điện thoại, thông tin liên lạc....do vậy ngân sách chỉ bố trí thêm kinh phí cho công tác trực tiếp phục vụ hoạt động thu phí lệ phí như chi phí in ấn, photo copy (phôi, giấy chứng nhận, đơn, biên bản...), chi phí kiểm tra, thẩm định, hợp đồng lao động cán bộ trực tiếp thu phí... theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

*** Các nội dung không thực hiện khoán chi hành chính được bố trí:**

- Kinh phí đặc thù: phân bổ hoạt động của Hội đồng nhân dân 350 triệu đồng, Ủy ban nhân dân 550 triệu đồng, Thành ủy 600 triệu đồng.
- Công tác tôn giáo (Phòng Nội vụ thành phố): 10 triệu đồng.
- Công tác cải cách hành chính, thực hiện ISO, soạn thảo thẩm định văn bản: 17 triệu đồng.
- Bồi dưỡng thành viên tiếp công dân xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo: 25 triệu đồng.
- Cai nghiện ma túy tại gia đình: 75 triệu đồng.
- Tuyên truyền giáo dục pháp luật: 100 triệu đồng.
- Hoạt động các Ban chỉ đạo: 500 triệu đồng.
- Quản lý phần mềm VNPT Ioffic: 100 triệu đồng.
- Hoạt động Đội kiểm tra liên ngành 814-178 thành phố: 180 triệu đồng.
- Kinh phí khu hành chính UBND thành phố và kiểm soát thủ tục hành chính: 400 triệu đồng.
- Sửa chữa, mở rộng bộ phận một cửa Ủy ban nhân dân thành phố: 300 triệu đồng.
- Kinh phí khu hành chính Thành ủy: 400 triệu đồng.
- Chính sách thăm hỏi của Mặt trận tổ quốc: 50 triệu đồng.
- Sinh hoạt phí của Ủy viên Mặt trận Tổ quốc: 40 triệu đồng.
- Phong trào dân vận khéo: 100 triệu đồng.
- Quản lý quỹ vì người nghèo: 76 triệu đồng.
- Giám sát, phản biện của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể: 20 triệu đồng.
- Hoạt động phong trào đoàn và hội thi, hội thao: 50 triệu đồng.
- Đại hội Đảng cấp cơ sở và cấp thành phố: 2.000 triệu đồng.
- Nâng cấp, cải tạo, lắp đặt thiết bị nhà vệ sinh khối Đảng, chống dột hội trường Thành ủy: 1.000 triệu đồng.
- Hội được giao biên chế gồm: Hội Chữ Thập đỏ (3 biên chế), Hội Đông y (3 biên chế); Hội Người Cao tuổi (2 biên chế); Hội Người mù (1 biên chế người sáng) định mức hỗ trợ hoạt động 20 triệu đồng/biên chế.

- Hỗ trợ các Hội đặc thù và hội khác 6 triệu đồng/hội gồm 9 hội: Nạn nhân chất độc da cam dioxin, Hội Bệnh nhân nghèo người tàn tật trẻ mồ côi, Hội Cựu thanh niên xung phong, Hội Khuyến học, Hội Cựu giáo chức, Sinh vật cảnh, Hội Luật gia, Hội Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, Chi hội Văn học nghệ thuật.

b. Ngân sách xã, phường: 54.152 triệu đồng, bao gồm các nội dung:

- Quỹ tiền lương và các khoản phụ cấp là 44.137 triệu đồng và hỗ trợ cán bộ đoàn thể, ấp khu phố 1,2 triệu đồng/chức danh/năm.

- Định mức chi hoạt động như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	Định mức/năm	Số lượng	DT năm 2019
	Tổng số			8.924
A	Cấp xã, phường	473		8.041
I	Định mức khoán kinh phí hoạt động	438		7.446
1	Hoạt động Đảng bộ	80	17- XP	1.360
2	Quản lý nhà nước	278	17- XP	4.726
3	Các đoàn thể chính trị	80	17- XP	1.360
	UB. MTTQ và các đoàn thể	15 trđ/đoàn thể * 5 =75 trđ		
	Khối vận xã, phường	5	17 XP	
II	Định mức không khoán chi	35		595
1	Công tác giám sát cộng đồng	5	17- XP	85
2	Ban Thanh tra nhân dân	5	17- XP	85
3	Hỗ trợ Hội NCT, CTĐ và các hội theo nhiệm vụ được phê duyệt	5	17- XP	85
4	Tuyên truyền GDPL và hòa giải cơ sở	20	17- XP	340
5	Cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới đô thị văn minh do UB. MTTQ xã thực hiện	20	17-XP	340
6	Cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới đô thị văn minh do Ban Công tác Mặt trận ấp, khu phố thực hiện	5 trđ/ấp khu phố có dưới 700 dân; tăng thêm 200 hộ dân được cộng thêm 1 trđ. Mức tăng thêm tối đa là 3 trđ		367
B	Khoán hoạt động cho ấp, khu phố			883
	Hoạt động ấp, khu phố (QLNN)	3,6	69 ấp, KP	248
	Mặt trận tổ quốc ấp khu phố	2	69 ấp, KP	138
	Hoạt động 4 đoàn thể ấp, khu phố	1,5	69 ấp KP*4 ĐT	414
	Hỗ trợ hoạt động tổ Dân vận ấp khu phố	1,2	69 ấp, KP	83

2.11. Đảm bảo xã hội: 19.759 triệu đồng.

a. Ngân sách cấp thành phố: 18.400 triệu đồng. Bao gồm các nội dung:

- Hoạt động sự nghiệp: 321 triệu đồng.
- Trợ cấp cho các đối tượng đảm bảo xã hội 17.819 triệu đồng.
- Cấp bù học phí và chi phí học tập 260 triệu đồng.

b. Ngân sách xã phường: 1.359 triệu đồng, bao gồm các nội dung

- Định mức tỉnh giao 5.250 đồng/dân số được phân bổ để đảm bảo hoạt động an sinh xã hội, hoạt động của Hội đồng khuyết tật, thăm viếng người cao tuổi... của địa phương là: 640 triệu đồng.

- Trợ cấp cho cán bộ xã đã nghỉ việc theo Quyết định 130-CP ngày 20 tháng 6 năm 1975 của Hội đồng Chính phủ và Quyết định 111-HĐBT ngày 13 tháng 10 năm 1981 của Hội đồng Bộ trưởng: 400 triệu đồng.

- Phụ cấp Đội công tác xã hội tình nguyện: 319 triệu đồng.

2.12. Chi khác: 6.833 triệu đồng. Định mức tỉnh giao bằng 1,5% tổng chi thường xuyên.

a. Ngân sách cấp thành phố: 5.795 triệu đồng được phân bổ như sau:

+ Công tác thi đua khen thưởng: 803 triệu đồng.

+ Khen thưởng tổ chức cơ sở Đảng, huy hiệu Đảng: 1.290 triệu đồng.

+ Hỗ trợ Ban cán sự tổ nhân dân tự quản: 1.000 triệu đồng.

+ Hỗ trợ công tác chống thất thu ngân sách: 200 triệu đồng.

+ Hỗ trợ vốn vay cho ngân hàng chính sách xã hội: 1.000 triệu đồng.

+ Chi khác còn lại: 1.502 triệu đồng.

b. Ngân sách xã, phường: 1.038 triệu đồng.

3. Dự phòng (2% tổng chi NS): 7.324 triệu đồng.

- Ngân sách cấp thành phố: 5.919 triệu đồng.

- Ngân sách xã phường: 1.405 triệu đồng.

4. Các nội dung chưa đủ nguồn để phân bổ dự toán:

Đơn vị tính: triệu đồng				
TT	Nội dung chi chưa đủ nguồn dự toán để phân bổ đầu năm	Nhu cầu	Đã bố trí	Nhu cầu cần bổ sung
1	Hỗ trợ tết cho cán bộ ở xã phường	535		535
2	Chính sách Tết Thành ủy	840		840
3	Dự toán hoạt động đặc thù, khu hành chính khối Đảng (không kể các khoản phụ cấp theo quy định và đại hội Đảng)	3.832	1.810	2.022
4	Hoạt động xét duyệt sáng kiến	80		80
5	Hoạt động phòng chống thiên tai	160		160
6	Giải quyết khiếu kiện tụ tập đông người	315	180	135
7	Hoạt động phong trào đoàn, hội thi hội thao (Đoàn Thanh niên)	150	50	100
8	Tuyên truyền 3 đề án, xúc tiến du lịch	170		170
9	Hỗ trợ các hoạt động của Ban chỉ huy Quân sự (thăm tân binh, tuyển quân, hội thi, hoạt động hội đồng giáo dục quốc phòng và các hoạt động khác)	400	200	200
10	Các dịch vụ công ích (theo dự toán của Phòng Quản lý đô thị lập)	64.300	46.406	17.894
11	Sửa chữa hội trường, sân khấu hội trường, nhà xe, sơn tường rào khuôn viên Thành ủy; sơn sửa văn phòng các ban Đảng	1.500		1.500
Tổng cộng		72.282	48.646	23.636

Một số nội dung chi chưa đủ nguồn bố trí như đã nêu trên là 23.636 triệu đồng giao Phòng Tài chính – Kế hoạch thành phố theo dõi và đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố cân đối bố trí từ các nguồn như kết dư, dự phòng ngân sách và điều chỉnh nội dung dự toán trong quá trình điều hành ngân sách năm 2020.

III. Tổ chức thực hiện:

Năm 2020 công tác điều hành ngân sách được thực hiện theo phân cấp về nguồn thu, nhiệm vụ chi của giai đoạn năm 2018-2020; Các định mức chi hoạt động được phân bổ tương tự như năm 2019.

Để việc tổ chức thực hiện dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2020 đạt hiệu quả Ủy ban nhân dân thành phố Bến Tre yêu cầu các cơ quan, đơn vị cần lưu ý thực hiện các giải pháp như sau:

- + Chi Cục Thuế khu vực Bến Tre – Châu Thành phối hợp các địa phương và cơ quan có liên quan triển khai công tác thu ngân sách năm 2020 ngay từ đầu năm; rà soát tính toán cụ thể các yếu tố tăng, giảm thu do thực hiện các chính sách về thuế theo quy định hiện hành; thực hiện các giải pháp chống thất thu; kiểm soát nợ đọng thuế, các khoản thu được phát hiện qua công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán.

- + Thực hiện nghiêm chủ trương thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Chi đúng nội dung dự toán được phê duyệt, thực hiện mua sắm tài sản trang thiết bị phải theo kế hoạch chung nhằm đảm bảo điều kiện làm việc cho cán bộ công chức.

- + Hạn chế tối đa việc bổ sung kinh phí ngoài dự toán, xem xét số lượng và quy mô tổ chức lễ hội, hội nghị, hội thảo, tổng kết, khởi công, phong tặng danh hiệu, tiếp khách, đi công tác trong và ngoài nước phải thật sự cần thiết và tiết kiệm. Những nhiệm vụ cấp bách phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- + Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị phải tự kiểm tra việc quản lý tài chính tại đơn vị đối với tất cả các nguồn kinh phí, các nguồn quỹ ngoài ngân sách và chịu trách nhiệm về các nội dung thuộc thẩm quyền được giao

Trên đây là phương án phân bổ dự toán thu, chi ngân sách nhà nước thành phố Bến Tre năm 2020, Ủy ban nhân dân thành phố Bến Tre thông qua kỳ họp thứ 14 Hội đồng nhân dân thành phố Bến Tre khóa XI./.